

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/DS-ST.

Ngày: 26/09/2022.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Bích Hằng.

Ông Tạ Văn Đài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử công khai vụ án thụ lý số 50/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 03 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 317/2022/QĐ-ST ngày 06 tháng 09 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q**, địa chỉ: tầng 1, tầng 2 tòa nhà S, số 111A, phường B, Quận F, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, sinh năm 1965, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Ông Bùi Đăng D, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

+ Ông Lê Thọ Đ, sinh năm 1996. (Có mặt)

+ Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Pax Sky, số 26, U, phường N, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Mai Văn C**, sinh năm 1980 và bà **Nguyễn Thị H**, cùng địa chỉ: 34/16A, khu 2, đường CC, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 08 năm 2021 của nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần Q và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 16/11/2018, Ngân hàng TMCP Q - CN Đồng Nai - PGD Hồ Nai ký với bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn C hợp đồng tín dụng số 2018.1483.HĐTD.617 ngày 16/11/2018, với nội dung: Ngân hàng TMCP Q - CN Đồng Nai - PGD Hồ Nai cho ông bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn C vay số tiền 527.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Mua xe ô tô; Thời hạn vay: 96 tháng, phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngân hàng TMCP Q - CN Đồng Nai - PGD Hồ Nai đã giải ngân cho ông bà Nguyễn Thị H và Mai Văn C với số tiền là 527.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 2018.1483.KUNN.617 ngày 16/11/2018 theo đúng yêu cầu của khách hàng.

Ngày 14/08/2019, bà Nguyễn Thị H có đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, Q đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng với hạn mức tín dụng là: 50.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất vay: theo quy định của Q trong từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng đã ký, cụ thể: bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn C chỉ thanh toán được cho Q số tiền là 166.637.049 đồng (trong đó có 93.397.700 đồng tiền nợ gốc và 73.239.349 đồng tiền nợ lãi) và chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn C luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi như cam kết. Do đó, khoản nợ của khách hàng chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 16/05/2020. Phía Ngân hàng Q đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho khách hàng thanh toán, nhưng khách hàng vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tạm tính đến ngày 15/08/2022, tổng dư nợ của bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn C tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam cụ thể như sau:

+ Theo HĐTD số 2018.1483.HĐTD.617 ngày 16/11/2018: Nợ gốc 433.603.000 đồng, nợ lãi 181.820.786 đồng, tổng cộng 615.423.000 đồng (sáu trăm mười lăm triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn đồng).

+ Theo đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế: Nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi là 0 đồng, nợ phí là 6,039,853 đồng, tổng cộng là 6.039.853 đồng (sáu triệu không trăm ba mươi chín ngàn tám trăm năm mươi ba đồng).

Nay Ngân hàng Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: Bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn C phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi vay tạm tính đến hết ngày 26/09/2022, cụ thể như sau: Nợ gốc 433.603.000 đồng, nợ lãi là 181.820.786 đồng, nợ phí thẻ tín dụng là 6.039.853 đồng, tổng cộng 621.463.639 đồng (Sáu trăm hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng).

Ngoài ra, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn C phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 27/09/2022 cho đến khi bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn C thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã làm thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn-bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn C không hợp tác đến Tòa án để giải quyết nên không có ý kiến.*

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:*

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng thương mại cổ phần Q và bà Nguyễn Thị H, ông Mai Văn C có ký kết Hợp đồng tín dụng số 2018.1483.HĐTD.617 ngày 16/11/2018 và đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Do bà Nguyễn Thị H, ông Mai Văn C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng thương mại cổ phần Q khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Do các đương sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, bị đơn- bà Nguyễn Thị H, ông Mai Văn C có nơi cư trú cuối cùng tại huyện Trảng Bom nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Không có đương sự đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu nên không xem xét.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tại Hợp đồng tín dụng số 2018.1483.HĐTD.617 ngày 16/11/2018 và đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thể hiện địa chỉ của bà Nguyễn Thị Hà, ông Mai Văn C là ở số 34/16A, khu 2, đường Chợ Chiều 2, ấp Thanh Hóa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Tại biên bản xác minh ngày 11/05/2022 của Công an xã Hố Nai 3 thì bà Nguyễn Thị H, ông Mai Văn C không còn đăng ký thường

trú tại xã Hồ Nai 3. Ngân hàng thương mại cổ phần Q không cung cấp được địa chỉ hiện nay của bà Nguyễn Thị H, ông Mai Văn C. Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để bà Nguyễn Thị H, ông Mai Văn C biết việc thụ lý vụ án và tham gia tố tụng. Tuy nhiên, Bị đơn- bà Nguyễn Thị H, ông Mai Văn C đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H, ông C.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Hợp đồng tín dụng 2018.1483.HĐTD.617 ngày 16/11/2018 và Khế ước nhận nợ số 2018.1483.KUNN.617 ngày 16/11/2018 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q và bà Nguyễn Thị H, ông Mai Văn C được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Các bên có thỏa thuận như sau: vay số tiền 527.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Mua xe ô tô; Thời hạn vay: 96 tháng.

[5.2] Ngày 14/08/2019, bà Nguyễn Thị H có đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, Q đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng với hạn mức tín dụng là: 50.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất vay: theo quy định của Q trong từng thời kỳ.

[5.3] Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng đã ký, cụ thể: bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn C chỉ thanh toán được cho Q số tiền là 166.637.049 đồng (trong đó có 93.397.700 đồng tiền nợ gốc và 73.239.349 đồng tiền nợ lãi). Bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn C luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi đúng cam kết. Do đó, khoản nợ của khách hàng chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 16/05/2020. Tính đến ngày 26/09/2022, bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn C còn nợ của Q là nợ gốc: 433.603.000 đồng, nợ lãi: 181.820.786 đồng, tổng cộng 615.423.000 đồng. Đối với tín dụng quốc tế đứng tên Nguyễn Thị H thì còn nợ phí thường niên và phí chậm thanh toán với số tiền là 6,039,853 đồng.

[5.4] Bị đơn- bà Nguyễn Thị H, ông Mai Văn C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không hợp tác đến tòa án giải quyết nên không có ý kiến.

[5.5] Do đó, cò căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-Ngân hàng TMCP Q, buộc bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn C phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 26/09/2022, cụ thể như sau: Nợ gốc 433.603.000 đồng, nợ lãi là 181.820.786 đồng, nợ phí thẻ tín dụng là 6.039.853 đồng, tổng cộng 621.463.639 đồng (*Sáu trăm hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng*).

[5.6] Bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn C phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 27/09/2022 cho đến khi bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn C thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

[6] Về án phí:

[6.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-Ngân hàng TMCP Q, bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể là 20.000.000 đồng + (621.463.639 đồng – 400.000.000 đồng) x 4% = 28.858.546 đồng.

[6.2] Hoàn trả cho nguyên đơn- Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.338.000 đồng theo biên lai thu số 0000713 ngày 10/03/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/NHNN ngày 30/12/2016 về quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đối với bị đơn- bà Nguyễn Thị H, ông Mai Văn C.

Xử buộc bà Nguyễn Thị H, ông Mai Văn C phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q nợ gốc là 433.603.000 đồng, nợ lãi là 181.820.786 đồng, nợ phí thẻ tín dụng là 6.039.853 đồng, tổng cộng 621.463.639 đồng (*Sáu trăm hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng*).

Kể từ ngày 27/09/2022, nếu bà Nguyễn Thị H, ông Mai Văn C chậm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì bà Nguyễn Thị H, ông Mai Văn C phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm thanh toán theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí: Bị đơn- bà Nguyễn Thị H, ông Mai Văn C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 28.858.546 (hai mươi tám triệu tám trăm năm mươi tám ngàn năm trăm bốn mươi sáu) đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn- Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.338.000 đồng theo biên lai thu số 0000713 ngày 10/03/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Ngọc Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Ngọc Nam

